

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số : 64/CBTT-NAG-2015.

V/v: Công bố BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2015

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015.

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam
2. Mã chứng khoán : NAG
3. Địa chỉ trụ sở chính : Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc
4. Điện thoại : 02113873568 Fax : 02113548020
5. Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Thị Huyền Thương
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2015 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2015.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.nagakawa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu Ban QHCD



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nguyễn Thị Huyền Thương

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	294 581 685 347	244 516 216 744
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	12 979 438 780	4 092 273 906
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10 524 484 650	744 385 600
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	170 060 562 251	156 471 130 745
IV	Hàng tồn kho	98 443 233 298	81 370 910 005
V	Tài sản ngắn hạn khác	2 573 966 368	1 837 516 488
B	Tài sản dài hạn	29 953 182 166	30 189 231 628
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	25 037 926 728	25 169 088 412
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	25 037 926 728	25 169 088 412
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn		
V	Đầu tư tài chính dài hạn	4 170 756 826	4 450 855 876
VI	Tài sản dài hạn khác	744 498 612	569 287 340
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	324.534.867.513	274.705.448.372

NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	162 533 785 661	119 587 248 604
I	Nợ ngắn hạn	161 292 450 311	119 331 412 947
II	Nợ dài hạn	1 241 335 350	255 835 657
D	Vốn chủ sở hữu	162 001 081 852	155 118 199 768
I	Vốn chủ sở hữu	162 001 081 852	155 118 199 768
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	148 495 780 000	148 495 780 000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5.672.110.000	5.672.110.000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20.000)	
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	3.500.593.946	3.500.593.946
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	1.416.627.148	(5.422.600.167)
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	2.915.990.758	2.872.335.989
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	324.534.867.513	274.705.448.372



I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính:
đồng

CHỈ TIÊU

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.661.312.331	123.012.343.967
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	556.709.834	803.148.990
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.104.602.497	122.209.194.977
4 Giá vốn hàng bán	142.133.195.501	106.461.203.223
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.971.406.996	15.747.991.754
6 Doanh thu hoạt động tài chính	691.989.588	70.263.246
7 Chi phí tài chính	2.898.439.827	4.197.799.897
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>2.421.663.890</i>	<i>4.068.177.343</i>
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		
9 Chi phí bán hàng	4.780.742.376	1.528.270.941
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.158.724.712	6.486.501.312
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.825.489.669	3.605.682.850
12 Thu nhập khác	3.063.061.611	3.355.107.196
13 Chi phí khác	442.464.633	276.668.310
14 Lợi nhuận khác	2.620.596.978	3.078.438.886
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.446.086.647	6.684.121.736
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.639.185.124	1.308.436.468
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(75.980.561)	50.588.673
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.882.882.084	5.325.096.595
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	6.839.227.315	5.295.064.849
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	43.654.769	30.031.746
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	461	357
20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	461	357

Ngày 25 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Huy Chi Dung

Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7-46
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	14-46
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp	80%

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 46).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 03 tháng 02 năm 2015 Công ty ký hợp đồng đặt cọc số 05.01/15/HĐKT về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Công ty đã chuyển 13 tỷ đồng để mua lô đất trên. Do việc xin giấy phép xây dựng nhà cao tầng đủ để làm văn phòng của Công ty gặp khó khăn nên ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty đã ký văn bản hủy bỏ hợp đồng đặt cọc nêu trên. Đến ngày 08 tháng 8 năm 2015 toàn bộ số tiền đặt cọc đã được thu hồi.

Ngoài sự kiện nêu trên, ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch	
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

Ngày 21 tháng 8 năm 2015



Số : 0906.03.02/2015/NVT-BCTC
Ngày : 21 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015 từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNKT số: 1603-2014-124-1

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.581.685.347	244.516.216.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.979.438.780	4.092.273.906
1. Tiền	111		7.479.438.780	3.862.273.906
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	230.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.524.484.650	744.385.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.524.484.650	744.385.600
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.060.562.251	156.471.130.745
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	100.075.330.463	80.124.896.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	31.158.322.989	17.475.638.026
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.500.000.000	25.300.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	32.675.264.824	34.552.263.645
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.348.356.025)	(981.667.382)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	98.443.233.298	81.370.910.005
1. Hàng tồn kho	141		98.443.233.298	81.370.910.005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.573.966.368	1.837.516.488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	781.807.542	171.013.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.791.688.509	1.458.170.821
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		470.317	208.331.902
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.953.182.166	30.189.231.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.037.926.728	25.169.088.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	25.037.926.728	25.169.088.412
<i>Nguyên giá</i>	222		90.545.154.339	88.276.894.975
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(65.507.227.611)	(63.107.806.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.11	133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.170.756.826	4.450.855.876
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	4.170.756.826	4.170.756.826
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13	-	280.099.050
VI. Tài sản dài hạn khác	260		744.498.612	569.287.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	686.168.358	569.287.340
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	58.330.254	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		324.534.867.513	274.705.448.372

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		162.533.785.661	119.587.248.604
I. Nợ ngắn hạn	310		161.292.450.311	119.331.412.947
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	70.544.692.345	20.070.333.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	2.942.231.835	4.335.469.734
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	14.777.426.994	13.785.833.387
4. Phải trả người lao động	314		464.984.523	613.212.208
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	1.439.665.909	137.810.088
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	480.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	126.011.318	108.591.442
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	67.848.651.330	77.029.492.988
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	2.611.263.024	3.193.146.141
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.523.033	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.241.335.350	255.835.657
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	1.203.150.000	200.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	17.650.307
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.25	38.185.350	38.185.350
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.001.081.852	155.118.199.768
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	162.001.081.852	155.118.199.768
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.500.593.946	3.500.593.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.416.627.148	(5.422.600.167)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.422.600.167)	(20.624.012.417)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.839.227.315	15.201.412.250
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.915.990.758	2.872.335.989
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		324.534.867.513	274.705.448.372

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Lan Phương

Huy Thị Dung

Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	164.661.312.331	123.012.343.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	556.709.834	803.148.990
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		164.104.602.497	122.209.194.977
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	142.133.195.501	106.461.203.223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.971.406.996	15.747.991.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	691.989.588	70.263.246
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.898.439.827	4.197.799.897
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.421.663.890	4.068.177.343
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.780.742.376	1.528.270.941
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.158.724.712	6.486.501.312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.825.489.669	3.605.682.850
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.063.061.611	3.355.107.196
12. Chi phí khác	32	VI.9	442.464.633	276.668.310
13. Lợi nhuận khác	40		2.620.596.978	3.078.438.886
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.446.086.647	6.684.121.736
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.639.185.124	1.308.436.468
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(75.980.561)	50.588.673
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.882.882.084</u>	<u>5.325.096.595</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		<u>43.654.769</u>	<u>30.031.746</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		<u>6.839.227.315</u>	<u>5.295.064.849</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>461</u>	<u>357</u>

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Lan Phương

Huy Thị Dung

Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.446.086.647	6.684.121.736
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.399.421.048	3.577.582.751
- Các khoản dự phòng	03	766.472.908	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	130.445.032	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(680.218.884)	(26.972.452)
- Chi phí lãi vay	06	2.421.663.890	4.068.177.343
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.483.870.641	14.302.909.378
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.923.807.250)	(30.033.218.154)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.072.323.293)	17.241.215.120
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	49.715.887.923	6.404.420.546
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(727.674.795)	(665.461.776)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.520.173.069)	(4.240.559.506)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(691.092.379)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	33.017.327.815
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(30.947.133.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.264.687.778	5.079.499.536
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.473.273.000)	(2.094.574.779)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.500.000.000)	(1.318.028.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	21.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	970.727.217	65.306.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.797.454.217	17.879.976.313

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	89.984.612.132	62.397.637.995	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(98.162.303.790)	(81.405.159.195)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(189.971.488)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.177.691.658)	(19.197.492.688)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.884.450.337	3.761.983.161	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.092.273.906	2.942.762.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.714.537	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.979.438.780	6.704.745.653

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Sản xuất, mua bán, lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty:

Ngày 03 tháng 02 năm 2015 Công ty ký hợp đồng đặt cọc số 05.01/15/HĐKT về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Công ty đã chuyển 13 tỷ đồng để mua lô đất trên. Do việc xin giấy phép xây dựng nhà cao tầng đủ để làm văn phòng của Công ty gặp khó khăn nên ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty đã ký văn bản hủy bỏ hợp đồng đặt cọc nêu trên. Đến ngày 08 tháng 8 năm 2015 toàn bộ số tiền đặt cọc đã được thu hồi.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	80%	80%

Công ty liên kết chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 do chưa có Báo cáo tài chính:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	100%	28%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn

HẠN
N
VIỆT
P H

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu thuần đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30/6/2015 : 21.770 VND/USD

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

33
CÔN
+ NH
IÊN
ÂN
D

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

3.
G T
M H
T O
A M



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

VIỆT NAM
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.162.270.691	911.423.237
Tiền gửi ngân hàng	6.317.168.089	2.950.850.669
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	230.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	5.500.000.000	230.000.000
Cộng	<u>12.979.438.780</u>	<u>4.092.273.906</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	<u>10.524.484.650</u>	<u>10.524.484.650</u>	<u>744.385.600</u>	<u>744.385.600</u>
Cộng	<u>10.524.484.650</u>	<u>10.524.484.650</u>	<u>744.385.600</u>	<u>744.385.600</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>29.875.933.580</u>	<u>23.075.960.810</u>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	29.875.933.580	23.075.960.810
Phải thu các khách hàng	<u>70.199.396.883</u>	<u>57.048.935.646</u>
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	30.557.168.155	24.193.671.627
Các đối tượng khác	39.642.228.728	32.855.264.019
Cộng	<u>100.075.330.463</u>	<u>80.124.896.456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	13.926.450.000	429.225.000
Bà Đào Thị Soi (*)	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	926.450.000	429.225.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	17.231.872.989	17.046.413.026
Công ty TNHH phát triển dịch vụ và công nghệ CPU	6.090.632.000	2.892.912.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.537.876.400
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	6.059.816.089	6.451.768.489
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	1.224.076.704	1.324.076.704
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Hằng	-	3.279.400.000
Đối tượng khác	2.556.396.796	1.560.379.433
Cộng	<u>31.158.322.989</u>	<u>17.475.638.026</u>

(*) Là khoản tiền đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 05.01/15/HĐKT ngày 3/2/2015 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do việc xin giấy phép xây dựng nhà cao tầng đủ để làm văn phòng của Công ty gặp khó khăn nên ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty đã ký văn bản hủy bỏ hợp đồng đặt cọc nêu trên. Đến ngày 08 tháng 8 năm 2015 toàn bộ số tiền đặt cọc đã được thu hồi.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho bà Đào Thị Hoa vay với lãi suất 01%/tháng	-	7.500.000.000
Cho bà Phạm Thị Lan Anh vay với lãi suất 01%/tháng	-	4.500.000.000
Cho bà Trịnh Thị Yên vay với lãi suất 0,5%/tháng	3.500.000.000	7.500.000.000
Cho bà Vũ Thị Bích Hồng vay với lãi suất 01%/tháng	4.000.000.000	5.800.000.000
Cộng	<u>7.500.000.000</u>	<u>25.300.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.675.264.824	-	20.552.263.645	-
Ký cược, ký quỹ	1.382.411.664	-	517.430.622	-
Tạm ứng	19.171.728.371	-	19.610.632.899	-
Lãi vay phải thu	115.691.667	-	406.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.433.122	-	18.000.124	-
Cộng	<u>32.675.264.824</u>	<u>-</u>	<u>34.552.263.645</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(981.667.382)	-	(981.667.382)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)
Giảm do xóa nợ	981.667.382	-	981.667.382
Số cuối kỳ	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)

*Chi tiết các khoản dự phòng xem phụ lục số 01.***8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	31.093.169.387	21.606.835.493
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.565.209.416	5.470.280.456
Thành phẩm	27.224.762.305	8.788.578.370
Hàng hóa	36.560.092.190	45.505.215.686
Cộng	98.443.233.298	81.370.910.005

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	151.627.714	5.000.000
Chi phí CCDC xuất dụng	22.799.067	1.704.545
Chi phí thuê đất, thuế đất	162.381.584	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	4.278.654	29.950.591
Chi phí in lịch	28.270.833	62.195.833
Chi phí sửa chữa xe ô tô	78.280.242	61.104.765
Chi phí quảng cáo	312.901.440	-
Chi phí trả trước khác	21.268.008	11.058.031
Cộng	781.807.542	171.013.765

11/01/2016
 T. H. H. M. I.
 11/01/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	24.098.610.773	60.003.262.562	3.944.335.723	187.107.280	43.578.637	88.276.894.975
Tăng do mua sắm	-	-	2.268.259.364	-	-	2.268.259.364
Số cuối kỳ	24.098.610.773	60.003.262.562	6.212.595.087	187.107.280	43.578.637	90.545.154.339
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	1.295.250.622	27.043.366.233	3.077.440.269	187.107.280	43.578.637	31.646.743.041
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.372.656.261	48.247.339.070	3.257.125.315	187.107.280	43.578.637	63.107.806.563
Tăng do trích khấu hao	586.107.330	1.682.280.915	131.032.803	-	-	2.399.421.048
Số cuối kỳ	11.958.763.591	49.929.619.985	3.388.158.118	187.107.280	43.578.637	65.507.227.611
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.725.954.512	11.755.923.492	687.210.408	-	-	25.169.088.412
Số cuối kỳ	12.139.847.182	10.073.642.577	2.824.436.969	-	-	25.037.926.728

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 86.013.987.478 VND và 24.093.659.583 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa (*)	28%	4.170.756.826	28%	4.170.756.826

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.040.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015	100%
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(869.243.174)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	4.170.756.826

13. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, trong kỳ căn cứ theo thời gian đáo hạn còn lại Công ty đã phân loại lại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	51.716.248	61.313.642
Chi phí sửa chữa ô tô	124.202.804	24.275.422
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	6.704.182	10.056.273
Chi phí làm biển quảng cáo	73.191.402	95.320.531
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	288.925.299	361.156.623
Chi phí thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho điều hòa không khí	111.875.000	-
Chi phí trả trước khác	29.553.423	17.164.849
Cộng	686.168.358	569.287.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	58.917.872
Phát sinh trong kỳ	58.330.254	8.329.199
Hoàn nhập trong kỳ	-	(58.917.872)
Số cuối kỳ	58.330.254	8.329.199

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp	70.544.692.345	20.070.333.926
Guangdong Chigo air conditioning Co.,LTD	2.230.619.510	2.572.043.168
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD	32.833.905.860	1.819.372.458
Công ty TNHH SX TM&DV Hoàng Diệp	6.998.215.243	5.353.909.301
Công ty cổ phần thép 134 Hà Nội	4.141.169.596	4.327.887.889
Công ty TNHH phát triển thương mại và xuất nhập khẩu Thành Phát	2.050.152.500	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật Cao	10.779.971.573	326.903.273
Hisense Ronshen (Guangdong) Freezer Co., LTD	4.252.508.260	-
Phải trả cho các đối tượng khác	7.258.149.803	5.670.217.837
Cộng	70.544.692.345	20.070.333.926

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	968.269.730	968.269.730
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	968.269.730	968.269.730
Trả trước của các khách hàng	1.973.962.105	3.367.200.004
Văn Phòng Tinh Ủy Tuyên Quang	-	704.135.966
Ngân hàng NN&PTNT - CN Buôn Hồ	-	2.350.433.638
Công ty TNHH điện máy Nhân Việt	676.649.000	-
Cửa hàng Điện lạnh Phạm Liên	135.351.998	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ và Kỹ Thuật Điện Đại Dương	-	312.200.000
Bà Lê Mỹ Quỳnh	201.953.800	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Lim Việt Nam	428.800.000	-
Các đối tượng khác	531.207.307	430.400
Cộng	2.942.231.835	4.335.469.734

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.431.770.080	5.180.143.649
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.062.956.945	3.406.313.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.839.074.584	4.890.981.839
Thuế thu nhập cá nhân	24.718.806	30.683.132
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	138.855.583	277.711.167
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	280.050.996	-
Cộng	<u>14.777.426.994</u>	<u>13.785.833.387</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 22%. (xem thuyết minh VI.10)

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	98.509.179
Chi phí thuê kho phải trả	73.470.909	39.300.909
Chi phí phát triển thị trường	1.366.195.000	-
Cộng	<u>1.439.665.909</u>	<u>137.810.088</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là khoản doanh thu nhận trước tiền thuê kho tháng 7 năm 2015 của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam.

21. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT	123.712.496	105.611.260
Bảo hiểm thất nghiệp	2.298.822	1.955.058
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	1.025.124
Cộng	<u>126.011.318</u>	<u>108.591.442</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.510.831.330	67.510.831.330	76.954.492.988	76.954.492.988
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (a)	65.716.853.430	65.716.853.430	75.464.164.588	75.464.164.588
Ngân hàng NN và PTNT Phúc Yên (b)	1.793.977.900	1.793.977.900	1.490.328.400	1.490.328.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	337.820.000	337.820.000	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Viettinbank - CN Bắc Thăng Long	129.960.000	129.960.000	-	-
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long	132.860.000	132.860.000	-	-
Cộng	67.848.651.330	67.848.651.330	77.029.492.988	77.029.492.988

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2015/HMTD/PVBTL-Nagakawa ký ngày 19/06/2015, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 140 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay, phát hành LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 100 tỷ đồng, số tiền cấp bảo lãnh tối đa là 40 tỷ đồng, hạn mức tín dụng trên bao gồm toàn bộ dư nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2014/HMTD/PVBTL-Nagakawa ngày 31/10/2014. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/06/2015, thời hạn cho vay tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản tại số nhà 112 ngõ 115/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bà Đào Thị Soi và Ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10111071095.

+ Bất động sản tại số 05, ngách 105, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010913519700112.

+ Bất động sản tại số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019.

+ Bất động sản tại thửa đất số 72.1, tờ bản đồ số 14, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội thuộc sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI272273.

+ Bất động sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Tấn và bà Đào Thị Hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 750752.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

+ Hệ thống máy móc thiết bị, điều hòa, tủ đông thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi tiết về tài sản đảm bảo được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 07/2014/HĐTC/PVBTL-Nagakawa ký ngày 31/10/2014

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH PTKT Quốc tế Anh Vũ thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 08/2014/HĐCC/PVBTL-AnhVu ký ngày 31/10/2014

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 10/2014/HĐCC/PVBTL-ONGKHA ký ngày 31/10/2014

+ Hàng tồn kho trị giá 50 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, chi tiết về hàng hóa được thể hiện trên hợp đồng thế chấp hàng hóa số 12/2014/HĐTC/PVBTL-NAGAKAWA ký ngày 31/10/2015

(b) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2890LAV201402733 ngày 30 tháng 12 năm 2014 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 1,8 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay nhằm thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất máy điều hòa. Thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014, lãi suất tại thời điểm vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tiền lãi vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.954.492.988	88.670.312.132	-	98.113.973.790	67.510.831.330
Vay dài hạn đến hạn trả	75.000.000	-	300.320.000	37.500.000	337.820.000
Cộng	<u>77.029.492.988</u>	<u>88.670.312.132</u>	<u>300.320.000</u>	<u>98.151.473.790</u>	<u>67.848.651.330</u>

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	3.193.146.141
Tăng do trích lập trong kỳ	-
Số đã sử dụng trong kỳ	(581.883.117)
Số cuối kỳ	<u>2.611.263.024</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	1.203.150.000	671.710.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (a)	162.500.000	162.500.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Thăng Long (b)	509.210.000	509.210.000	-	-
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (c)	531.440.000	531.440.000	-	-
Cộng	1.203.150.000	671.710.000	200.000.000	200.000.000

(a) Là khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số THK2014/03-HĐTĐ ngày 19 tháng 8 năm 2014, tổng số tiền vay là 300 triệu đồng, mục đích vay là mua xe ô tô. Thời hạn vay 04 năm kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2014 với lãi suất là 7,99%/năm trong vòng 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 lãi vay bằng lãi vay quy định của ngân hàng cộng với tỷ lệ biến động là 3,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 59/2015-HĐTĐDA/NHCT145-PGDBH-Nagakawa ký ngày 11/05/2015, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Sorento, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 25/06/2015. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp động sản số 58/2015/HĐTC-NHCT145-PGDBH ký ngày 11/05/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô Kia Sorento được định giá giá trị một tỷ đồng.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng vay số 04/2015/HĐCV/PVBTL-NAGA.IDT ký ngày 14/04/2015, số tiền vay 664.300.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến hết ngày 31/07/2015 là 11,5%/năm, từ 01/08/2015 lãi suất điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần, kỳ gốc vay đầu tiên thanh toán vào ngày 26/07/2015, lãi vay được trả 01 tháng/lần vào ngày 26. Tài sản thế chấp là ô tô Toyota Fortuner theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 08/2015/HĐTC/PVBTL-NAGA.IDT có giá trị 949.000.000VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	337.820.000	75.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.203.150.000	200.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	1.540.970.000	275.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	200.000.000
Số tiền vay phát sinh	1.314.300.000
Số tiền vay đã trả	(10.830.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(300.320.000)
Số cuối kỳ	<u>1.203.150.000</u>

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành công trình xây lắp.

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích Cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	(5.422.600.167)	2.872.335.989	155.118.199.768
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6.839.227.315	43.654.769	6.882.882.084
Số dư cuối kỳ	<u>148.495.780.000</u>	<u>5.672.110.000</u>	<u>(20.000)</u>	<u>3.500.593.946</u>	<u>1.416.627.148</u>	<u>2.915.990.758</u>	<u>162.001.081.852</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	<u>154.167.870.000</u>	<u>154.167.870.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****A, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	664,28	547,42

B, Nợ khó đòi đã xử lý

<u>Đối tượng</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty CP Công nghệ Thương mại Tràng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.116.279.409</u>	<u>134.612.027</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a, Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	158.861.249.061	91.980.250.891
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.800.063.270	31.032.093.076
Tổng doanh thu	<u>164.661.312.331</u>	<u>123.012.343.967</u>

1b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	28.450.229.026	15.682.390.635
Cộng	<u>28.450.229.026</u>	<u>15.682.390.635</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	135.868.184	659.556.990
Chiết khấu thương mại	420.841.650	143.592.000
Cộng	<u>556.709.834</u>	<u>803.148.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	137.932.217.460	79.495.646.610
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.200.978.041	26.965.556.613
Cộng	142.133.195.501	106.461.203.223

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	680.218.884	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.249.782	65.306.981
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.520.922	4.956.265
Cộng	691.989.588	70.263.246

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.421.663.890	4.068.177.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	346.330.904	129.622.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	130.445.033	-
Cộng	2.898.439.827	4.197.799.897

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	620.449.685	1.055.542.499
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.422.050	41.712.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.013.550	8.779.455
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	299.657.971	50.548.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.106.606	13.502.460
Các chi phí khác	3.068.092.514	358.186.008
Cộng	4.780.742.376	1.528.270.941

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.273.058.667	2.082.876.920
Chi phí vật liệu quản lý	7.828.888	3.958.336
Chi phí đồ dùng văn phòng	104.626.906	74.434.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.847.264	637.012.612
Thuế, phí và lệ phí	208.747.169	226.458.890
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	1.348.356.025	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.556.192.229	3.183.486.445
Các chi phí khác	1.267.067.563	278.274.092
Cộng	8.158.724.711	6.486.501.312

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ	-	227.272.727
Thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	3.059.999.994	3.030.000.000
Thu nhập khác	3.061.616	97.834.469
Cộng	3.063.061.610	3.355.107.196

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	265.607.256
Tiền phạt, truy thu thuế tại văn phòng	379.947.836	-
Tiền phạt tại chi nhánh Hồ Chí Minh	56.449.999	-
Tiền phạt tại Công ty con	5.938.203	-
Chi phí khác	128.595	11.061.054
Cộng	442.464.633	276.668.310

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.446.086.647	6.684.121.736
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	998.501.117	(736.683.246)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.136.058.450	11.028.390
Tiền phạt truy thu thuế tại Văn phòng	379.947.836	-
Tiền phạt tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	56.449.999	-
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.348.356.025	-
Phạt hành chính khác	5.938.403	11.028.390
Lỗi phát sinh trong quá trình hợp nhất	345.366.187	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.137.557.333)	(747.711.636)
Lãi công trình Buôn Hồ (*)	(1.137.557.333)	-
Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất	-	(747.711.636)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.444.587.764	5.947.438.490
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.297.809.308	1.308.436.468
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	341.375.816	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.639.185.124	1.308.436.468

(*) Công trình Buôn Hồ đã được ghi doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 theo biên bản kiểm tra của cơ quan thuế.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(58.330.254)	(8.329.199)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	58.917.872
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(17.650.307)	-
Cộng	(75.980.561)	50.588.673

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.839.227.315	5.295.064.849
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.839.227.315	5.295.064.849
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.849.576	14.849.576
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	461	357

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.849.576	14.849.576

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	100.000.000	250.000.000
Hoàn tạm ứng hoạt động khác	-	84.909.990
Đặt cọc tiền mua đất	13.000.000.000	
Cá nhân không còn là thành viên Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	130.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành viên hội đồng quản trị	22.436.000.000	9.536.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu tiền tạm ứng đầu tư	9.436.000.000	9.536.000.000
Phải thu đặt cọc tiền mua đất	13.000.000.000	-
Cá nhân không còn là thành viên HĐQT	9.598.020.140	9.728.020.140
Cộng nợ phải thu	32.034.020.140	19.264.020.140

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	209.774.477	290.442.307

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	31.295.251.930	18.099.930.904
+ Giá trị chưa thuế	28.450.229.026	16.454.482.635
+ Thuế GTGT đầu ra	2.845.022.904	1.645.448.269
Phải thu tiền cho thuê kho	108.000.000	90.000.000
+ Giá trị chưa thuế	98.181.816	81.818.182
+ Thuế GTGT đầu ra	9.818.184	8.181.818
Mua hàng hóa	147.000.000	1.050.610.000
+ Giá trị chưa thuế	133.636.363	955.100.000
+ Thuế GTGT đầu ra	13.363.637	95.510.000
Trả tiền hàng	-	2.808.000.000
Thanh toán công nợ	24.603.279.160	17.122.410.263
Thu lại tiền hợp tác đầu tư	2.000.000.000	21.000.000.000
Ứng trước tiền hàng	497.236.000	-
Bù trừ công nợ	-	896.475.717

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải thu của Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	42.802.383.580	37.505.185.810
Phải thu tiền bán hàng	29.875.933.580	23.075.960.810
Phải thu do thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	12.000.000.000	14.000.000.000
Ứng trước tiền hàng	926.450.000	429.225.000
Cộng nợ phải thu	42.802.383.580	37.505.185.810

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải trả của Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	1.115.269.730	968.269.730
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	147.000.000	-
Phải trả tiền ứng trước	968.269.730	968.269.730
Cộng nợ phải trả	1.115.269.730	968.269.730

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	133.486.366.328	10.356.111.747	20.262.124.422	-	-	164.104.602.497		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	115.203.563.946	-	-	(115.203.563.946)	-	-		
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.689.930.274	10.356.111.747	20.262.124.422	(115.203.563.946)	164.104.602.497			
Chi phí bộ phận	228.970.272.422	8.636.129.979	17.061.163.811	(112.534.370.711)	142.133.195.501			
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.719.657.852	1.719.981.768	3.200.960.611	(2.669.193.235)	21.971.406.996			
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(12.939.467.088)			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					9.031.939.908			
Doanh thu hoạt động tài chính					691.989.588			
Chi phí tài chính					(2.898.439.827)			
Thu nhập khác					3.063.061.611			
Chi phí khác					(442.464.633)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.639.185.124)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					75.980.561			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.882.882.084			

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam	Miền Nam	Loại trừ		
Số cuối kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	384.668.562.714	8.012.501.376	12.808.656.830	(80.954.853.407)			324.534.867.513	<u>324.534.867.513</u>
Tổng tài sản								<u>162.533.785.661</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	211.390.736.232	7.012.499.534	11.574.471.853	(67.443.921.958)			162.533.785.661	<u>162.533.785.661</u>
Tổng nợ phải trả								<u>274.705.448.372</u>
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	326.992.436.587	4.498.679.062	11.900.990.641	(68.686.657.918)			274.705.448.372	<u>274.705.448.372</u>
Tổng tài sản								<u>119.587.248.604</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	160.956.518.044	4.498.679.062	11.900.990.641	(57.768.939.143)			119.587.248.604	<u>119.587.248.604</u>
Tổng nợ phải trả								<u>119.587.248.604</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.979.438.780	4.092.273.906	12.979.438.780	4.092.273.906
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.524.484.650	1.024.484.650	10.524.484.650	1.024.484.650
Phải thu khách hàng	100.075.330.463	79.143.229.074	100.075.330.463	79.143.229.074
Các khoản cho vay	7.500.000.000	25.300.000.000	7.500.000.000	25.300.000.000
Các khoản phải thu khác	32.675.264.824	34.552.263.645	32.675.264.824	34.552.263.645
Cộng	163.754.518.717	144.112.251.275	163.754.518.717	144.112.251.275
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	69.051.801.330	77.229.492.988	69.051.801.330	77.229.492.988
Phải trả người bán	70.544.692.345	20.070.333.926	70.544.692.345	20.070.333.926
Các khoản phải trả khác	4.680.110.124	4.090.945.229	4.680.110.124	4.090.945.229
Cộng	144.276.603.799	101.390.772.143	144.276.603.799	101.390.772.143

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	67.848.651.330	1.203.150.000	-	69.051.801.330
Phải trả người bán	70.544.692.345	-	-	70.544.692.345
Các khoản phải trả khác	4.641.924.774	38.185.350	-	4.680.110.124
Cộng	<u>143.035.268.449</u>	<u>1.241.335.350</u>	<u>-</u>	<u>144.276.603.799</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	77.029.492.988	200.000.000	-	77.229.492.988
Phải trả người bán	20.070.333.926	-	-	20.070.333.926
Các khoản phải trả khác	4.052.759.879	38.185.350	-	4.090.945.229
Cộng	<u>101.152.586.793</u>	<u>238.185.350</u>	<u>-</u>	<u>101.390.772.143</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 03 tháng 02 năm 2015 Công ty ký hợp đồng đặt cọc số 05.01/15/HĐKT về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Công ty đã chuyển 13 tỷ đồng để mua lô đất trên. Do việc xin giấy phép xây dựng nhà cao tầng đủ để làm văn phòng của Công ty gặp khó khăn nên ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty đã ký văn bản hủy bỏ hợp đồng đặt cọc nêu trên. Đến ngày 08 tháng 8 năm 2015 toàn bộ số tiền đặt cọc đã được thu hồi.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt).

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh		Số liệu sau điều chỉnh		Ghi chú
			Các điều chỉnh			
Các khoản tương đương tiền	112	-	230.000.000	230.000.000		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.254.484.650	(510.099.050)	744.385.600		
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	25.300.000.000	25.300.000.000		
Phải thu ngắn hạn khác	136	39.724.200.124	(5.171.936.479)	34.552.263.645		
Tài sản ngắn hạn khác	155	20.128.063.521	(20.128.063.521)	-		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	280.099.050	280.099.050		
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	3.193.146.141	3.193.146.141		
Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.231.331.491	(3.193.146.141)	38.185.350		
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.955.874.625	544.719.321	3.500.593.946		
Quỹ dự phòng tài chính		544.719.321	(544.719.321)	-		
Lợi ích cổ đông thiểu số		2.872.335.989	(2.872.335.989)	-		
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	2.872.335.989	2.872.335.989		

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Tòa soạn báo Tiền Phong						
Phải thu tiền bán hàng	Đã xóa nợ	-	-	Không thẻ thu hồi	47.723.000	47.723.000
Công ty Thuận An						
Phải thu tiền bán hàng	Đã xóa nợ	-	-	Không thẻ thu hồi	525.607.000	525.607.000
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài						
Phải thu tiền bán hàng	Đã xóa nợ	-	-	Không thẻ thu hồi	283.250.000	283.250.000
Cửa hàng Nhật Anh						
Phải thu tiền bán hàng	Đã xóa nợ	-	-	Không thẻ thu hồi	125.087.382	125.087.382
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt						
Trả trước cho người bán	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000		154.815.000	-
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa						
Trả trước cho người bán	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900		506.373.900	-
Công ty Cổ phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech						
Trả trước cho người bán	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000		56.700.000	-
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd						
Trả trước cho người bán	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699		156.765.699	-
ZHEJIANG BINGFENG COMPRESSOR CO.,LTD						
Trả trước cho người bán	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887		377.031.887	-
Kelon International Inc						
Trả trước cho người bán	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539		96.669.539	-
Cộng		1.348.356.025	1.348.356.025		2.330.023.407	981.667.382

